

Số: /QĐ-TVĐ1-BKS

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1**

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/4/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (Công ty).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Thành viên Ban kiểm soát, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng đơn vị trực thuộc Công ty; Chủ tịch kiêm Giám đốc/Chủ tịch, Giám đốc, Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (công ty con) do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ; những người được Hội đồng quản trị Công ty cử làm Người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền, Kiểm soát viên hoặc Thành viên Ban kiểm soát tại công ty con, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT;
- TGD;
- Lưu: VT, BKS.

Cao Thúy Nga

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TVĐ1-BKS ngày 29 tháng 4 năm 2021)

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là Quy chế) quy định về tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền, nghĩa vụ và cơ chế hoạt động của BKS và các KSV theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan đến Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (Công ty).

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho BKS và các KSV của Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các KSV chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), trước pháp luật về các công việc, quyết định của BKS.

2. Kiểm soát viên hoạt động theo nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực, chấp hành đúng pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua việc tổ chức kiểm soát theo nguyên tắc:

a) Kiểm soát trước: Tích cực tham gia với Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc (TGD) để ban hành các nghị quyết, quyết định, quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

b) Kiểm soát trong: Theo dõi, giám sát TGD thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế quản lý nội bộ do HĐQT ban hành và việc tuân thủ chính sách, pháp luật của Nhà nước trong hoạt động của Công ty. Thông qua kiểm tra, giám sát phát hiện những nội dung, vấn đề chưa phù hợp, trao đổi với HĐQT để đề ra các biện pháp khắc phục.

c) Kiểm soát sau: Kiểm soát các công việc đã phát sinh, bao gồm: (1) kiểm tra sổ sách kế toán (định kỳ và đột xuất); và (2) kiểm tra các vụ việc phát sinh theo đơn thư, đề nghị của cổ đông, người lao động hoặc các bên có liên quan đến Công ty (nếu có).

CHƯƠNG II - KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Bầu một KSV trong BKS làm Trưởng BKS;

e) Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập cuộc họp BKS bất thường;

f) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm;

g) Được yêu cầu lãnh đạo, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;

h) Báo cáo Trưởng BKS về những hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;

i) Tham dự các cuộc họp HĐQT, Ban TGD khi được phân công, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT thì được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào Biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ;

j) Tham dự các cuộc họp của BKS, tham gia thảo luận và biểu quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;

k) Hai phần ba (2/3) số KSV trở lên có quyền đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT hoặc người điều hành khác có quyết định vi phạm nghiêm trọng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và những trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.

l) Các KSV có ý kiến đối với báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo thẩm định tài chính sáu tháng của Công ty (hoặc công ty con của Công ty), báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng BKS.

2. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

a) Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1 và Khoản 3 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì KSV phải chịu trách nhiệm cá

nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà KSV có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động của Công ty. Trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Trường hợp phát hiện có KSV vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

3. Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác của KSV theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có ba (03) KSV. Nhiệm kỳ của KSV không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

3. Trường hợp KSV có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà KSV nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì KSV đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi KSV nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, KSV của Công ty phải đáp ứng điều kiện sau:

Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty và người quản lý của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); người đại diện phần vốn của EVN tại Công ty.

Điều 6. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào BKS. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào BKS thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng KSV, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên KSV. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên KSV thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu KSV theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu KSV phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số KSV được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số KSV quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho KSV cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 8. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm KSV trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm KSV theo quy định tại Điều 5 Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm KSV trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của KSV theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm KSV. Thông tin liên quan đến ứng cử viên được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 10. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh

hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

2. Trưởng BKS do KSV bầu trong số các KSV; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

1. Tổ chức triển khai thực hiện các Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của BKS trên cơ sở ý kiến đề xuất của KSV liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của BKS; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của BKS.

3. Thay mặt BKS ký các văn bản thuộc thẩm quyền của BKS.

4. Thay mặt BKS ký báo cáo, tờ trình sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

5. Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ bất thường khi HĐQT, người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của họ quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

6. Tham dự cuộc họp HĐQT, Ban TGD, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

7. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ.

8. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các KSV.

9. Yêu cầu HĐQT, TGD, Người quản lý điều hành khác và Trưởng các đơn vị cung cấp thông tin liên quan để báo cáo BKS.

10. Bảo đảm các KSV nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét.

11. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của KSV.

12. Ủy quyền cho một KSV khác của BKS thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt. KSV được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

13. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 12. Bảo mật thông tin

1. Các KSV xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là KSV với sự cẩn trọng cần thiết.
2. Các KSV không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu Công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công ty, hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.
3. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi KSV đã hết nhiệm kỳ.
4. Các KSV có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ Công ty, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên/bất thường. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy

định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.

14. Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và cổ đông.

21. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.

22. Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.

23. Trưởng BKS điều hành đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến KSV cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;

c) Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, công ty con và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của KSV hoặc BKS.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty nhưng HĐQT không thực hiện triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

2. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ BKS để bầu Trưởng Ban và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong thời hạn bảy (07) ngày sau ngày BKS đó được bầu. KSV có số phiếu bầu cao nhất có trách nhiệm triệu tập cuộc họp đầu tiên của BKS, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất năm (05) ngày. Trường hợp có nhiều hơn một KSV có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các KSV đó bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp BKS.

2. Ban kiểm soát họp định kỳ tối thiểu hai (02) lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp BKS do Trưởng Ban hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng Ban triệu tập và làm chủ tọa. Cuộc họp của BKS chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số KSV tham dự.

3. Trưởng Ban hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng Ban lập chương trình, thời gian và địa điểm họp; chuẩn bị nội dung cuộc họp gồm các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp; gửi thông báo bằng văn bản kèm theo chương trình và các tài liệu cần thiết cho các KSV ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Trong trường hợp không thể dự họp, KSV có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho BKS trước khi họp.

4. Cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- a) Chủ tịch HĐQT.
- b) Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên HĐQT.
- c) Trưởng BKS.
- d) Tối thiểu hai phần ba (2/3) số KSV.
- e) TGD.

5. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành cuộc họp BKS bất thường.

6. Trong các cuộc họp BKS, KSV có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, thành viên Ban TGD và tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề mà các KSV quan tâm.

Điều 17. Biên bản họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp của BKS phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp BKS được lập chi tiết, rõ ràng và phải được tất cả các KSV tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm ghi chép và lập biên bản cuộc họp BKS và ký tên vào biên bản.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp BKS cho các KSV và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

3. Số biên bản và biên bản cuộc họp BKS phải được lưu giữ và bảo quản tại BKS.

CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, TGD để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và KSV.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng KSV.

4. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập

hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của KSV được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa

đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các KSV chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với KSV hoặc với những người có liên quan của KSV theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các KSV có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các KSV.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Ban điều hành Công ty gồm có TGD, Phó TGD và Kế toán trưởng.
2. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.
3. Ban điều hành Công ty đảm bảo chế độ cung cấp thông tin cho BKS theo Quy chế này, Điều lệ Công ty, quy định quản trị nội bộ của Công ty và các quy định khác có liên quan.
4. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành và Người quản lý, Người điều hành Công ty mời Trưởng BKS hoặc KSV tham dự cuộc họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác.

Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với HĐQT Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT.
2. Hội đồng quản trị bảo đảm chế độ cung cấp thông tin cho BKS theo Quy chế này, Điều lệ Công ty, quy định quản trị nội bộ của Công ty và các quy định khác có liên quan.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 04 năm 2021.
2. Trong trường hợp Điều lệ công ty và Quy chế này có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Điều lệ công ty.
3. Ban kiểm soát thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế và trình ĐHĐCĐ thông qua.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân khác trong Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Cao Thúy Nga